

**PHỤ LỤC 01: BIỂU PHÍ DỊCH VỤ TÀI KHOẢN**

STT	Dịch vụ	Mức phí (chưa bao gồm thuế GTGT)	
		TK VND	TK Ngoại tệ
<b>I</b>	<b>GIAO DỊCH TK</b>		
<b>1</b>	<b>Mở và quản lý TK</b>		
<b>1.1</b>	<b>Mở TK</b>	Miễn phí	Miễn phí
<b>1.2</b>	<b>Số dư duy trì tối thiểu <sup>(1)</sup></b> (Tài khoản có số dư dưới mức tối thiểu không tính lãi )	1.000.000VND	100 USD/EUR/khác
<b>1.3</b>	<b>Phí quản lý TK</b>		
a	TK TGTT thường	60.000VND/quý	3USD/quý
b	TK TGTT linh hoạt	60.000VND/quý	-
c	TK TGTT lãi suất lũy tiến	60.000VND/quý	-
d	TK TGTT tích lũy tự động	90.000VND/quý	-
e	TK TGTT tối ưu thanh khoản	300.000VND/quý	15USD/quý
f	TK TGTT tối ưu thanh khoản tích hợp lãi suất lũy tiến/lãi suất linh hoạt/chức năng tích lũy tự động	450.000VND/quý	20USD/quý
g	TK đồng chủ sở hữu	300.000VND/quý	15USD/quý
h	TK có yêu cầu quản lý đặc biệt (theo yêu cầu của chủ TK)	Theo thỏa thuận TT: 600.000VND/quý	Theo thỏa thuận TT: 30USD/quý
i	TK TGTT có tính năng thấu chi		
-	Hạn mức từ 100.000.000VND đến dưới 300.000.000VND	100.000VND/tháng	
-	Hạn mức từ 300.000.000VND đến dưới 500.000.000VND	150.000VND/tháng	
-	Hạn mức từ 500.000.000VND đến dưới 1.000.000.000VND	200.000VND/tháng	
-	Hạn mức trên 1.000.000.000VND	300.000VND/tháng	
j	Tài khoản có yêu cầu về quản lý dòng tiền	Thỏa thuận	Thỏa thuận
<b>1.4</b>	<b>Đóng TK</b>		
a	Trong vòng 12 tháng kể từ ngày mở	100.000VND	5USD
b	Trên 12 tháng kể từ ngày mở	Miễn phí	Miễn phí
<b>1.5</b>	<b>Phong tỏa TK theo yêu cầu của khách hàng</b>	50.000VND/lần/TK	3USD/lần/TK



STT	Dịch vụ	Mức phí (chưa bao gồm thuế GTGT)	
		TK VND	TK Ngoại tệ
1.6	Phong tỏa TK theo yêu cầu của HDBank hoặc quy định của Pháp luật	Miễn phí	Miễn phí
1.7	In và cung cấp sao kê TK		
a	Tại quầy nơi mở tài khoản		
-	Ngày /lần, Tuần/lần	30.000VND/tháng/TK	2USD/tháng/TK
-	Tháng/lần	Miễn phí	Miễn phí
-	Theo yêu cầu của khách hàng	5.000VND/trang; TT: 30.000VND/lần	1USD/trang; TT: 2USD
b	Tại quầy khác nơi mở tài khoản		
-	Ngày /lần, Tuần/lần	50.000VND/tháng/TK	3USD/tháng/TK
-	Tháng/lần	30.000VND/tháng/TK	2USD/tháng/TK
-	Theo yêu cầu của khách hàng	5.000VND/trang; TT: 30.000VND/lần	1USD/trang; TT: 2USD
c	Qua đường thư tín	Mức phí quy định tại Mục 1.7.a + phí chuyển phát	
d	Qua Swift		
-	Ngày/lần	1.500.000VND/tháng/TK + điện phí Swift	75USD/tháng/TK + điện phí Swift
-	Tuần/lần	500.000VND/tháng/TK + điện phí Swift	25USD/tháng/TK + điện phí Swift
-	Tháng/lần	100.000VND/tháng/TK + điện phí Swift	5USD/tháng/TK + điện phí Swift
1.8	Xác nhận số dư		
a.	Xác nhận số dư TK thông thường		
-	Tiếng Việt/Tiếng Anh	50.000VND/bản đầu tiên 10.000VND/từ bản thứ hai trở đi	3USD/bản đầu tiên 1USD/ từ bản thứ hai trở đi
-	Song ngữ	100.000VND/bản đầu tiên 20.000VND/từ bản thứ hai trở đi	5USD/bản đầu tiên 2USD/ từ bản thứ hai trở đi
b.	Xác nhận ký quỹ	Theo thỏa thuận	



STT	Dịch vụ	Mức phí (chưa bao gồm thuế GTGT)	
		TK VND	TK Ngoại tệ
		TT: 100.000VND/quý	
c	<b>Xác nhận để khách hàng sử dụng dịch vụ của Ngân hàng khác</b>	0.1%/Giá trị phong tỏa TT: 100.000VND/lần	
<b>1.9</b>	<b>Sao lục chứng từ</b>		
a	Chứng từ phát sinh dưới 03 tháng	10.000VND/chứng từ	1USD/chứng từ
b	Chứng từ phát sinh từ 03 tháng đến dưới 1 năm	30.000VND/chứng từ TT: 50.000VND/lần	3USD/chứng từ
c	Chứng từ phát sinh từ 1 năm trở lên	Theo thỏa thuận; TT: 100.000VND	Theo thỏa thuận; TT: 5USD
<b>2</b>	<b>Phí kiểm đếm</b>		
	<p>Thu trong trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển khoản trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào TK nhưng được miễn phí nộp</li> <li>- Rút tiền mặt trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào TK hoặc rút tiền mặt ngay trong ngày nhận báo có (không bao gồm các báo có phát sinh trong các giao dịch với HDBank như: mua bán ngoại tệ với HDBank, nhận nợ vay từ HDBank,...)</li> </ul>	0,03%; TT: 15.000VND; TĐ: 1.000.000VND	<p>USD:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại 50 USD trở lên: 0,15%; TT: 2USD</li> <li>- Loại từ 2USD đến 20 USD: 0,3%; TT: 3USD</li> <li>- Loại 1USD: 0,5%; TT: 3USD</li> </ul> <p>EUR: 0,3%; TT: 2USD</p> <p>Ngoại tệ khác: 0,5%; TT: 3USD</p>
<b>3</b>	<b>Nộp tiền mặt vào TK (chính chủ nộp tiền)<sup>(2)</sup></b> (Trường hợp không phải chính chủ nộp tiền: xem quy định tại Mục II – 1.1)		
3.1	Cùng tỉnh/TP nơi mở TK	Miễn phí	USD:
3.2	Khác tỉnh/TP nơi mở TK	0,03%; TT: 15.000VND; TĐ: 1.000.000VND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại 50 USD trở lên: 0,15%; TT: 2USD</li> <li>- Loại từ 2USD đến 20 USD: 0,3%; TT: 3USD</li> </ul>



STT	Dịch vụ	Mức phí (chưa bao gồm thuế GTGT)	
		TK VND	TK Ngoại tệ
			- Loại 1USD: 0,5%; TT: 3USD EUR: 0,3%; TT: 2USD Ngoại tệ khác: 0,5%; TT: 3USD
4	<b>Rút tiền mặt từ TK</b> (chính chủ rút tiền) <sup>(2)</sup> (Trường hợp không phải chính chủ rút tiền: xem quy định tại Mục II – 2.1.1 – c)	Miễn phí (lưu ý thu thêm phí kiểm đếm nếu giao dịch thuộc các trường hợp nêu tại Mục I - 2)	USD: - Loại 50 USD trở lên: 0,15%; TT: 2USD - Loại từ 2USD đến 20 USD: 0,3%; TT: 3USD - Loại 1USD: 0,5%; TT: 3USD EUR: 0,3%; TT: 2USD Ngoại tệ khác: 0,5%; TT: 3USD
<b>II</b>	<b>CHUYỂN TIỀN TRONG NƯỚC</b>		
1	<b>Chuyển tiền mặt</b>		
1.1	<b>Nộp tiền mặt vào TK của chủ TK khác mở tại HDBank</b> (người nộp <sup>(3)</sup> không phải là chính chủ <sup>(2)</sup> tài khoản)	0,03%; TT: 15.000VND; TĐ: 1.000.000VND	USD: - Loại 50 USD trở lên: 0,15%; TT: 2USD - Loại từ 2USD đến 20 USD: 0,3%; TT: 3USD - Loại 1USD: 0,5%; TT: 3USD EUR: 0,3%; TT: 2USD Ngoại tệ khác: 0,5%; TT: 3USD
1.2	<b>Nộp tiền mặt chuyển đi ngân hàng khác</b> (Doanh nghiệp nộp tiền không có tài khoản tại HDBank hoặc thực hiện giao dịch không thông qua tài khoản mở tại HDBank)	Phí kiểm đếm quy định tại Mục I.2+ Phí chuyển khoản đi ngoài hệ thống	
2	<b>Chuyển khoản</b>		



STT	Dịch vụ		Mức phí (chưa bao gồm thuế GTGT)	
			TK VND	TK Ngoại tệ
<b>2.1</b>	<b>Chuyển khoản đi</b>			
<b>2.1.1</b>	<b>Chuyển khoản đi trong hệ thống</b>			
<b>a</b>	<b>Chuyển khoản đến tài khoản khác của chính chủ TK<sup>(2)</sup></b>		Miễn phí	Miễn phí
<b>b</b>	<b>Chuyển khoản đến tài khoản của chủ TK khác (kể cả tổ chức và cá nhân)</b>			
-	Cùng tỉnh/TP nơi thực hiện lệnh		Miễn phí (lưu ý thu thêm phí kiểm đếm nếu giao dịch thuộc các trường hợp nêu tại Mục I - 2)	
-	Khác tỉnh/TP nơi thực hiện lệnh		Miễn phí (lưu ý thu thêm phí kiểm đếm nếu giao dịch thuộc các trường hợp nêu tại Mục I - 2)	1USD/món
<b>c</b>	<b>Chuyển khoản đi cho người nhận nhận tiền mặt</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Đây là giao dịch KHDN thực hiện chi trả tiền mặt cho các doanh nghiệp khác hoặc cá nhân khác (không phải là đại diện của Chính chủ TK <sup>(2)</sup>) trong cùng hệ thống HDBank.</li> <li>Người nhận xuất trình CMND hoặc giấy tờ khác tương đương theo quy định của HDBank để nhận tiền.</li> </ul>		Miễn phí (lưu ý thu thêm phí kiểm đếm nếu giao dịch thuộc các trường hợp nêu tại Mục I - 2)	
<b>2.1.2</b>	<b>Chuyển khoản đi ngoài hệ thống</b>			
<b>a</b>	Cùng tỉnh/TP nơi thực hiện lệnh	Thời gian nhận lệnh từ trước 14h:	0,015%; TT: 10.000 VND; TĐ: 750.000VND	0,01%; TT: 5USD; TĐ: 50USD
		Thời gian nhận lệnh sau 14h:	0,025%; TT: 20.000 VND; TĐ: 1.000.000VND	
	(lưu ý thu thêm phí kiểm đếm nếu giao dịch thuộc các trường hợp nêu tại Mục I - 2)			
<b>b</b>	Khác tỉnh/TP nơi thực hiện lệnh	Thời gian nhận lệnh từ trước 14h:	0,03% TT: 15.000 VND; TĐ: 1.000.000 VND	0,05%; TT: 5USD; TĐ: 100USD
		Thời gian nhận lệnh sau 14h:	0,04%; TT: 20.000 VND; TĐ: 1.000.000VND	



STT	Dịch vụ	Mức phí (chưa bao gồm thuế GTGT)	
		TK VND	TK Ngoại tệ
		(lưu ý thu thêm phí kiểm đếm nếu giao dịch thuộc các trường hợp nêu tại Mục I - 2)	
<b>2.2</b>	<b>Chuyển khoản đến</b>		
2.2.1	Phí báo có các khoản chuyển đến trong nước	Miễn phí	Miễn phí
2.2.2	Người thụ hưởng/Người nhận tiền mặt đối với món báo có từ các ngân hàng khác (ngoài hệ thống HDBank) chuyển đến	0,03%; TT: 15.000VND; TĐ: 1.000.000VND	
2.2.3	Người thụ hưởng/Người nhận tiền mặt đối với món báo có từ các đơn vị kinh doanh khác trong hệ thống HDBank chuyển đến	0,03%; TT: 15.000VND; TĐ: 1.000.000VND	USD: - Loại 50 USD trở lên: 0,15%; TT: 2USD - Loại từ 2USD đến 20 USD: 0,3%; TT: 3USD - Loại 1USD: 0,5%; TT: 3USD EUR: 0,3%; TT: 2USD Ngoại tệ khác: 0,5%; TT: 3USD
<b>3</b>	<b>Tra soát/ tu chỉnh, hủy lệnh chuyển tiền</b>		
3.1	Tu chỉnh, hủy lệnh chuyển tiền đi ngoài hệ thống	20.000VND	2USD
3.2	Tu chỉnh, hủy lệnh chuyển tiền đi trong hệ thống	Miễn phí	2USD
3.3	Tra soát lệnh chuyển tiền đến	Miễn phí	Miễn phí
<b>III</b>	<b>GIAO DỊCH SÉC</b>		
1	Cung ứng Séc trắng	20.000VND/quyển	1USD/quyển
2	Bảo chi Séc	10.000VND/tờ Séc	1USD/ tờ Séc
3	Phát hành Séc quá số dư (thu từ người ký phát)	55.000VND/ tờ Séc	3USD/ tờ Séc
4	Đình chỉ thanh toán séc	15.000VND/ tờ Séc	2USD/ tờ Séc
5	Thông báo mất séc	100.000VND/lần	3USD/lần
6	Thanh toán Séc		



STT	Dịch vụ	Mức phí (chưa bao gồm thuế GTGT)	
		TK VND	TK Ngoại tệ
6.1	Séc chuyển khoản (trong hệ thống HDBank)	Miễn phí	0,01%; TT: 2USD
6.2	Séc lĩnh tiền mặt		
a	Chính chủ TK nhận tiền (2)	Miễn phí (lưu ý thu thêm phí kiểm đếm nếu giao dịch thuộc các trường hợp nêu tại Mục I - 2)	USD: 0,15%; TT: 2USD EUR: 0,3%; TT: 2USD Ngoại tệ khác: 0,5%; TT: 3USD
b	Người khác nhận tiền	0,03%; TT: 15.000VND; TĐ: 1.000.000VND	
<b>IV</b>	<b>GIAO DỊCH BẰNG HÌNH THỨC FAX</b>		
1	Phí đăng ký sử dụng dịch vụ giao dịch bằng hình thức fax	Miễn phí	
2	Phí thực hiện giao dịch bằng hình thức fax	- Chuyển khoản trong nước 1.000 VND/lệnh - Giao dịch khác: 5.000 VND/lệnh	
3	Phí chậm bổ sung chứng từ bản chính	10.000VND/chứng từ/ ngày	

